

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 12 - 3 - 2021

*“V/việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lập

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Thanh – Thư ký Tòa án thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Công - Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 778/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 435/TB- TA ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Y**, sinh năm 1978

Trú tại: tổ 7, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1974

Trú tại: tổ 7, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt lần thứ 2 (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27/12/2002. Sau khi kết hôn chị Y và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T không chung thủy với chị. Giữa chị Y và anh T đã sống ly thân một thời gian từ năm 2015 đến nay, hiện không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị Y và anh T có 01 người con chung là cháu Phạm Yến C, sinh ngày 09/01/2005, hiện cháu C đang ở với chị Y. Khi ly hôn chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là Hoàng Thị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn T và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Yến C đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Yến C có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 04/12/2020, ông Nguyễn Văn H – Tổ trưởng Tổ 7, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xác nhận có nội dung: Chị Hoàng Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 27/12/2002. Sau khi kết hôn chị Y và anh T chung sống tại tổ 7, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Y và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi cọ, bất hòa. Hiện nay giữa chị Y và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không hạnh phúc. Còn việc anh T có quan hệ ngoài luồng và có con riêng hay không thì bản thân ông không nắm được. Về con chung: giữa chị Y và anh T có 01 người con chung là cháu Phạm Yến C, sinh năm: 2005, hiện cháu C đang ở với mẹ là Hoàng Thị Y. Về công việc của anh T và chị Y: Chị Y hiện làm nghề tự do, buôn bán nhỏ lẻ, còn

anh T làm nghề lái xe khách.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Y với anh Phạm Văn T. Giao con chung là cháu Phạm Yến C cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn T và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại: tổ 7, khu 6, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phạm Văn T mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị Y và anh T chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau. Chị Y và anh T hiện đã sống ly thân một thời gian từ năm 2015 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi

kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Y. Chị Y được ly hôn với anh Phạm Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị Y và anh T có 01 người con chung là: cháu Phạm Yến C, sinh ngày 09/01/2005, hiện cháu C đang do chị Y nuôi dưỡng chăm sóc trong thời gian 02 vợ chồng chị Y, anh T sống ly thân. Xét thấy cả chị Y và anh T đều có khả năng lao động và khả năng nuôi con chung nhưng giao con chung là cháu C cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định phát triển về thể chất, tinh thần và việc học hành của cháu C hơn và phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao con chung là cháu Phạm Yến C cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Yến C thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y với bị đơn là anh Phạm Văn T.

Chị Hoàng Thị Y được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Yến C, sinh ngày 09/01/2005 cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Yến C thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002677 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Hoàng Thị Y đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tp H;*
- *Chi cục THADS tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND p. H1, tp H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

